



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**



---

*Tháng 3 năm 2025*

Signature Not Verified

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI  
Ký ngày: 31/3/2025 09:54:45



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 27

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Bá Chính	Chủ tịch
Bà Trịnh Thanh Nhân	Thành viên
Ông Trần Trung Hiếu	Thành viên (miễn nhiệm 26/4/2024)
Bà Mạc Thị Nhung	Thành viên (bổ nhiệm 26/4/2024)

#### **Ban Giám đốc**

Mạc Thị Nhung	Tổng Giám đốc
---------------	---------------

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Bá Chính	Chủ tịch hội đồng quản trị
-------------------	----------------------------

Ông Phạm Bá Chính đã ủy quyền cho Bà Mạc Thị Nhung ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 03/2024-TTC/UQ ngày 01 tháng 10 năm 2023.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép và lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Mạc Thị Nhung**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 23 tháng 03 năm 2025

Số: 11/BCKT-UHYHP

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Hồng Hiên**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1117-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
UHY - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

*Hải Phòng, ngày 23 tháng 03 năm 2025*

**Nguyễn Đức Quỳnh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số: 1016-2022-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>74.175.644.922</b>	<b>49.373.094.886</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>822.590.706</b>	<b>307.444.877</b>
1. Tiền	111		822.590.706	307.444.877
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>59.977.030.133</b>	<b>20.017.269.177</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	15.135.230.734	19.761.185.618
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.626.061.000	1.169.997
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	43.985.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	518.155.315	1.542.330.478
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.287.416.916)	(1.287.416.916)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.066.971.706</b>	<b>27.023.611.239</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	12.066.971.706	27.023.611.239
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.309.052.377</b>	<b>2.024.769.593</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	-	35.693.988
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	571.751.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.309.052.377	1.417.323.927
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.149.745.659</b>	<b>20.490.543.763</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>7</b>	<b>-</b>	<b>15.300.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	15.300.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.105.869.831</b>	<b>3.854.429.885</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>12</b>	3.105.869.831	3.854.429.885
- Nguyên giá	222		27.970.188.389	27.970.188.389
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.864.318.558)	(24.115.758.504)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		677.697.312	677.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(677.697.312)	(677.697.312)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.043.875.828</b>	<b>1.336.113.878</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.043.875.828	1.336.113.878
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>78.325.390.581</b>	<b>69.863.638.649</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>31.181.451.843</b>	<b>28.310.227.897</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.431.451.843</b>	<b>28.310.227.897</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	16.869.782.988	7.440.383.566
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		56.659.494	77.392.179
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	149.834.407	13.909.645
4. Phải trả người lao động	314		454.725.914	246.372.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		49.171.473	68.395.900
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		51.945.491	114.470.706
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	11.722.000.000	20.300.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.077.332.076	49.303.901
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>750.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	750.000.000	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>47.143.938.738</b>	<b>41.553.410.752</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>47.143.938.738</b>	<b>41.553.410.752</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.696.860.498)	(2.696.860.498)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.200.000.000	5.200.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.817.747)	(2.817.747)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.301.511.824
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.356.383.017)	(14.248.422.827)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		(14.248.422.827)	(14.578.794.779)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.892.039.810	330.371.952
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>78.325.390.581</b>	<b>69.863.638.649</b>



Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập biểu  
Ngày 23 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng



  
Mạc Thị Nhung  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		88.587.513.537	103.196.794.073
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	21	88.587.513.537	103.196.794.073
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	84.297.647.723	97.568.573.143
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		4.289.865.814	5.628.220.930
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.822.067.676	353.249.856
7. Chi phí tài chính	22	24	1.691.726.480	1.652.407.680
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.597.870.464	2.954.776.068
8. Chi phí bán hàng	25	25	1.727.409.414	2.434.714.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	3.342.206.900	3.398.495.126
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.350.590.696	(1.504.146.520)
11. Thu nhập khác	31		553.659.640	1.842.848.488
12. Chi phí khác	32		12.210.526	8.330.016
13. Lợi nhuận khác	40	26	541.449.114	1.834.518.472
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.892.039.810	330.371.952
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.892.039.810	330.371.952
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.325	64

Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập biểu  
Ngày 23 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và	01		102.517.621.415	121.008.112.645
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(70.310.893.065)	(81.488.191.371)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.435.828.520)	(2.771.882.243)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.674.962.414)	(1.616.419.187)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.457.520.051	754.272.255
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-	(831.348.562)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>30.553.457.467</b>	<b>35.054.543.537</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(82.493.000.000)	(15.300.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		53.808.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.224.688.362	1.275.609
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(21.460.311.638)</b>	<b>(15.298.724.391)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		53.950.568.000	6.100.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(62.528.568.000)	(28.765.697.670)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.578.000.000)</b>	<b>(22.665.697.670)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>515.145.829</b>	<b>(2.909.878.524)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>307.444.877</b>	<b>3.217.323.401</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>822.590.706</b>	<b>307.444.877</b>



Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập biểu  
Ngày 23 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

**Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái** là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200412681 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 16 ngày 16/12/2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là KKC.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 là: 52.000.000.000 đồng.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 9 người (tại 31/12/2023: 18 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Tái chế phế liệu; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; cho thuê xe có động cơ; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá bán hàng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải và đại lý vận tải hàng hóa thủy bộ; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Đại lý tua du lịch; dịch vụ đặt chỗ; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động vui chơi, giải trí.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sắt thép các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi (Tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15
Thiết bị quản lý	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí trả trước khác thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

*Tiền thuê đất:* Chi phí để có Quyền sử dụng 4.933,4 m<sup>2</sup> đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.

*Các khoản chi phí trả trước khác:* bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Thặng dư vốn cổ phần:* Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh năm 2024 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	24.652.167	90.362.408
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	797.938.539	217.082.469
<b>Cộng</b>	<b>822.590.706</b>	<b>307.444.877</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b><i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i></b>	<b><i>15.135.230.734</i></b>	<b><i>19.761.185.618</i></b>
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	-	9.694.820.473
Công ty TNHH Đầu tư TM và Dịch vụ Thịnh Tiến	13.811.758.818	-
Công ty TNHH Sản xuất và TM Thép Bắc Việt	-	191.051.141
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group	-	8.502.314.088
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	789.002.100	789.002.100
Đối tượng khác	534.469.816	583.997.816
<b>Cộng</b>	<b>15.135.230.734</b>	<b>19.761.185.618</b>

*Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**(Chi tiết xem tại thuyết minh 29)***6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b>	<b><i>1.626.061.000</i></b>	<b><i>1.169.997</i></b>
Công ty TNHH NDA Việt Nam	1.500.000.000	-
Các đối tượng khác	126.061.000	1.169.997
<b>Cộng</b>	<b>1.626.061.000</b>	<b>1.169.997</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>43.985.000.000</b>	<b>43.985.000.000</b>	-	-
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding (1)	43.985.000.000	43.985.000.000	-	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	<b>15.300.000.000</b>	<b>15.300.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding (2)	-	-	15.300.000.000	15.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.985.000.000</b>	<b>43.985.000.000</b>	<b>15.300.000.000</b>	<b>15.300.000.000</b>

(1) Phản ánh khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Thành Đức Holding vay theo hợp đồng số 0109.2023/HĐVT/TT-TĐ ngày 1 tháng 9 năm 2023, lãi suất cho vay bằng với lãi suất cho vay của ngân hàng HD Bank tại thời điểm chuyển tiền, tại ngày 31/12/2024 khoản tiền cho vay đã được thu hồi.

(2) Phản ánh khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Thành Đức Holding vay theo hợp đồng số 2024-15/HĐVT/TT-TĐ ngày 1 tháng 11 năm 2024, tổng số tiền cam kết cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn cho vay từ đến 31/12/2025, lãi suất cho vay bằng với lãi suất cho vay của ngân hàng HD Bank tại thời điểm chuyển tiền. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3. Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản cho vay tại thời điểm phát hành báo cáo này.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>518.155.315</b>	<b>1.542.330.478</b>
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	518.155.315	1.514.830.478
Tạm ứng	-	27.500.000
<b>Cộng</b>	<b>518.155.315</b>	<b>1.542.330.478</b>

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Trích lập dự phòng VND	Giá gốc VND	Trích lập dự phòng VND
DN tư nhân Phương Luu	789.002.100	(789.002.100)	789.002.100	(789.002.100)
Cty cơ khí XDCT giao thông 121	110.876.177	(110.876.177)	110.876.177	(110.876.177)
Cty CP thép Châu Phong	146.318.825	(146.318.825)	146.318.825	(146.318.825)
Khác	241.219.814	(241.219.814)	241.219.814	(241.219.814)
<b>Cộng</b>	<b>1.287.416.916</b>	<b>(1.287.416.916)</b>	<b>1.287.416.916</b>	<b>(1.287.416.916)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	12.066.971.706	-	27.023.611.239	-
<b>Cộng</b>	<b>12.066.971.706</b>	<b>-</b>	<b>27.023.611.239</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	-	35.693.988
Các khoản khác	-	35.693.988
<b>Dài hạn</b>	<b>1.043.875.828</b>	<b>1.336.113.878</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	13.263.627	183.052.698
Chi phí để có quyền thuê đất (*)	1.030.612.201	1.153.061.180
<b>Cộng</b>	<b>1.043.875.828</b>	<b>1.371.807.866</b>

(\*) Chi phí để có quyền sử dụng 4.933,4 m<sup>2</sup> đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày đầu năm	16.053.783.099	4.636.602.637	7.042.894.665	33.445.455	203.462.533	27.970.188.389
Tại ngày cuối năm	16.053.783.099	4.636.602.637	7.042.894.665	33.445.455	203.462.533	27.970.188.389
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày đầu năm	12.429.092.038	4.529.925.907	6.996.853.035	33.445.455	126.442.069	24.115.758.504
Khấu hao trong năm	621.524.052	53.338.368	46.041.630	-	27.656.004	748.560.054
Tại ngày cuối năm	13.050.616.090	4.583.264.275	7.042.894.665	33.445.455	154.098.073	24.864.318.558
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	3.624.691.061	106.676.730	46.041.630	-	77.020.464	3.854.429.885
Tại ngày cuối năm	3.003.167.009	53.338.362	-	-	49.364.460	3.105.869.831

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị 22.884.206.889 đồng (ngày 01/01/2024: 22.331.706.888 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.105.869.831 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2024: 3.854.508.718 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Giá trị VND	trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>16.869.782.988</b>	<b>16.869.782.988</b>	<b>7.440.383.566</b>	<b>7.440.383.566</b>
Công ty Cổ phần DP Invest	12.735.578.416	12.735.578.416	-	-
Công ty CP SX TM DV Thiết bị công nghiệp Phương Nam	3.804.024.488	3.804.024.488	6.804.024.488	6.804.024.488
Cty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	189.275.228	189.275.228	189.275.228	189.275.228
Công ty Cổ Phần Sông Hồng	138.757.916	138.757.916	430.562.000	430.562.000
Các đối tượng khác	2.146.940	2.146.940	16.521.850	16.521.850
<b>Cộng</b>	<b>16.869.782.988</b>	<b>16.869.782.988</b>	<b>7.440.383.566</b>	<b>7.440.383.566</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu	Số đã thực nộp/	Số cuối năm
	VND	trong năm VND	thu trong năm VND	VND
<b>Phải thu</b>	<b>1.417.323.927</b>	<b>28.088.000</b>	<b>136.359.550</b>	<b>1.309.052.377</b>
Thuế nhà đất	1.417.323.927	28.088.000	136.359.550	1.309.052.377
<b>Phải nộp</b>	<b>13.909.645</b>	<b>1.326.290.895</b>	<b>1.190.366.133</b>	<b>149.834.407</b>
Thuế GTGT	-	1.301.650.809	1.154.196.563	147.454.246
Thuế TNCN	13.909.645	20.640.086	32.169.570	2.380.161
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-

**15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>	<b>750.000.000</b>	<b>-</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	750.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>750.000.000</b>	<b>-</b>

Ghi chú:

Nhận ký quỹ theo hợp đồng thuê đất số 2024-11/HĐKB/TT-ĐP, theo đó:

- Tổng diện tích cho thuê: 14.000 m<sup>2</sup>
- Thời gian thuê: từ 4/9/2024 đến hết 31/10/2030.
- Giá thuê: 250.000000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>20.300.000.000</b>	<b>20.300.000.000</b>	<b>53.950.568.000</b>	<b>62.528.568.000</b>	<b>11.722.000.000</b>	<b>11.722.000.000</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (1)	-	-	19.693.568.000	19.693.568.000	-	-
Ngân hàng TMCP phát triển TP. HCM (2)	20.300.000.000	20.300.000.000	33.357.000.000	41.935.000.000	11.722.000.000	11.722.000.000
Vay cá nhân (3)	-	-	900.000.000	900.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.300.000.000</b>	<b>20.300.000.000</b>	<b>53.950.568.000</b>	<b>62.528.568.000</b>	<b>11.722.000.000</b>	<b>11.722.000.000</b>

(1) Vay ký quỹ chứng khoán Công ty CP chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam), trong năm các khoản vay đã được hoàn trả.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 16916/23MB/HHTD ngày 18/09/2024 với tổng hạn mức là 25 tỷ đồng trong vòng 12 tháng, thời hạn trả nợ theo giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép; Số tiền vay, lãi suất, kỳ hạn theo giấy nhận nợ cụ thể; Khoản vay được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần tập đoàn T&amp;D Group và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

(3) Vay cá nhân Theo hợp đồng vay tiền từng lần, khoản vay không chịu lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**  
Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

**MẪU SỐ B 09 -DN**  
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

***Biến động vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(14.578.794.779)	41.223.038.800
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	330.371.952	330.371.952
Số đầu năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(14.248.422.827)	41.553.410.752
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	6.892.039.810	6.892.039.810
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(1.301.511.824)	-	(1.301.511.824)
Số cuối năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	-	(7.356.383.017)	47.143.938.738

(\*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024, đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án dùng Quỹ đầu tư phát triển bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi 1.301.511.824 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)***Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của công ty là 52.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tập đoàn T&D Group	44.553.690.000	85,68	44.553.690.000	85,68
Cổ đông khác	7.446.310.000	14,32	7.446.310.000	14,32
<b>Cộng</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>100</b>

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

*Cổ phiếu*

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	184	184
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.199.816	5.199.816
- Cổ phiếu phổ thông	5.199.816	5.199.816
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**18. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	599,66	599,66

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***19. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận chính yếu:**

Theo lĩnh vực kinh doanh, trong đó doanh thu bán hàng hóa là doanh thu liên quan đến hàng thương mại các mặt hàng sắt, thép là hoạt động chính; hoạt động cho thuê kho bãi là hoạt động thứ yếu.

*Năm nay:*

Chỉ tiêu	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Kinh doanh thương mại	85.637.319.564	84.297.647.723	1.339.671.841
Hoạt động khác	2.950.193.973	-	2.950.193.973
<b>Cộng</b>	<b>88.587.513.537</b>	<b>84.297.647.723</b>	<b>4.289.865.814</b>

*Năm trước*

Chỉ tiêu	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Kinh doanh thương mại	99.781.851.394	97.568.573.143	2.213.278.251
Hoạt động khác	3.414.942.679	-	3.414.942.679
<b>Cộng</b>	<b>103.196.794.073</b>	<b>97.568.573.143</b>	<b>5.628.220.930</b>

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính tại địa bàn Hải Phòng.

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong năm</i>	<i>88.587.513.537</i>	<i>103.196.794.073</i>
Doanh thu thương mại	85.637.319.564	99.781.851.394
Doanh thu hoạt động cho thuê bãi	2.950.193.973	3.414.942.679
<i>Các khoản giảm trừ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>88.587.513.537</b>	<b>103.196.794.073</b>

**21. GIÁ VỐN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	84.297.647.723	97.568.573.143
<b>Cộng</b>	<b>84.297.647.723</b>	<b>97.568.573.143</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.113.155.121	353.249.856
Lãi từ bán chứng khoán	5.706.432.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.480.555	-
<b>Cộng</b>	<b>8.822.067.676</b>	<b>353.249.856</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.597.870.464	1.652.339.317
Chi phí kinh doanh chứng khoán	93.856.016	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	68.363
<b>Cộng</b>	<b>1.691.726.480</b>	<b>1.652.407.680</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<b>1.727.409.414</b>	<b>2.434.714.500</b>
Chi phí nhân viên	988.545.639	1.315.003.595
Chi phí khấu hao TSCĐ	317.453.226	326.661.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	372.417.549	779.094.305
Các khoản chi phí QLDN khác	48.993.000	13.955.000
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<b>3.342.206.900</b>	<b>3.398.495.126</b>
Chi phí nhân viên	2.301.474.272	1.951.283.063
Chi phí khấu hao TSCĐ	431.106.828	431.106.828
Thuế, phí và lệ phí	140.359.550	214.108.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	457.146.250	762.312.207
Chi phí khác	12.120.000	39.684.228

**25. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thu nhập khác</i>	<b>553.659.640</b>	<b>1.842.848.488</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	679.672.255
Thu từ bồi thường	307.822.329	-
Lãi trả chậm	199.879.184	1.162.856.231
Các khoản khác	45.958.127	320.002
<i>Chi phí khác</i>	<b>12.210.526</b>	<b>8.330.016</b>
Các khoản chi phí khác	12.210.526	8.330.016
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>541.449.114</b>	<b>1.834.518.472</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</i>		
Lợi nhuận trước thuế	6.892.039.810	330.371.952
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(6.892.039.810)	(330.371.952)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu	12.210.526	1.141.606.066
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	12.210.526	8.330.016
<i>Chi phí lãi vay chưa được tính năm nay</i>	-	1.133.276.050
Trừ: Chuyển lỗ	(6.826.960.972)	(1.471.978.018)
Trừ: Lãi vay kỳ trước tính trong năm nay	(77.289.364)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	-	-
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	-	-

Công ty có các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ năm 2022 là 28.508.623.675 đồng được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 05 năm liên tục kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh lỗ.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trong tương lai vì không có thông tin và Ban Giám đốc đánh giá khả năng Công ty sử dụng những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá hiện tại là không chắc chắn.

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	6.892.039.810	330.371.952
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu</i>		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	6.892.039.810	330.371.952
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	5.199.816	5.199.816
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.325</b>	<b>64</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	3.290.019.911	3.266.286.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	748.560.054	757.768.428
Thuế, phí, lệ phí	140.359.550	214.108.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	829.563.799	1.541.406.512
Chi phí khác	61.113.000	53.639.228
<b>Cộng</b>	<b>5.069.616.314</b>	<b>5.833.209.626</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN*****Bên liên quan:***

	<b>Bản chất bên liên quan</b>
Công ty Cổ phần tập đoàn T&D	Cổ đông lớn ( Bà Đoàn Thị Tơ - Chủ tịch)
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	Bà Đoàn Thị Tơ và người có liên quan (Cổ đông lớn)
Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người thân của các thành viên Ban lãnh đạo	Ban lãnh đạo

***Giao dịch với các bên liên quan:***

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b><i>Công ty CP Thành Đức Holding</i></b>		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	1.402.896.000	11.212.264.320
Thu tiền bán hàng	11.097.716.473	23.066.206.649
Cho vay ngắn hạn	82.493.000.000	15.300.000.000
Thu nợ vay	53.808.000.000	-
Lãi tiền vay	3.652.088.976	351.974.247
Thu tiền lãi vay	4.648.764.139	-
<b><i>Công ty cổ phần tập đoàn T&amp;D</i></b>		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	340.936.530	27.467.760.200
Thu tiền bán hàng	8.843.250.618	19.618.178.074
<b><i>Bà Phạm Thị Minh Yến</i></b>		
Vay ngắn hạn	900.000.000	-
Trả tiền vay	900.000.000	-

***Số dư với các bên liên quan:***

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b><i>Công ty CP Thành Đức Holding</i></b>		
Phải thu thương mại	-	9.694.820.473
Phải thu tiền cho vay	43.985.000.000	15.300.000.000
Lãi vay phải thu	518.155.315	1.514.830.478
<b><i>Công ty cổ phần tập đoàn T&amp;D</i></b>		
Phải thu thương mại	-	8.502.314.088

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Các khoản lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Phạm Thị Minh Yến	190.000.000	376.297.000
Bà Trịnh Thanh Nhân - Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Bá Chính- Chủ tịch	378.700.000	230.050.000
Bà Mạc Thị Nhung - Tổng Giám đốc	420.473.433	396.096.384
Bà Vũ Thị Hồng Liên - Trưởng Ban KS	224.044.707	240.993.037
Bà Nguyễn Thị Hải Yến- Kế toán trưởng	305.768.849	289.593.983

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Hải Yến  
Người lập biểu  
Ngày 23 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng




Mạc Thị Nhung  
Tổng Giám đốc